

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
HUYỆN TRỰC NINH
BAN THƯỜNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trực Ninh, ngày 09 tháng 5 năm 2025

Số: 37/CV- MT-BTT

V/v hướng dẫn tổng hợp và xây dựng báo cáo
kết quả lấy ý kiến về dự thảo NQ sửa đổi, bổ
sung một số điều của Hiến pháp năm 2013

Kính gửi: - **Các tổ chức chính trị-xã hội của huyện, các tổ chức
thành viên của Mặt trận huyện;**
- **Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, TT.**

Căn cứ Kế hoạch số 22/KH-MTTQ-BTT ngày 08/5/2025 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Nam Định về tổ chức lấy ý kiến trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện hướng dẫn việc tổng hợp và xây dựng báo cáo kết quả lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 như sau:

1. Tổ chức lấy ý kiến và thời hạn gửi báo cáo

- Từ ngày 06/5/2025 đến ngày 17/5/2025: các tổ chức chính trị - xã hội của huyện, các tổ chức thành viên của Mặt trận huyện, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, thị trấn trong huyện (*sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương*) tổ chức lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013, bám sát các yêu cầu về đối tượng, hình thức lấy ý kiến, phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện tại Kế hoạch số 10 /KH-MT-BTT ngày 09/5/2025 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện Trực Ninh.

Nội dung lấy ý kiến là toàn bộ dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, trong đó tập trung góp ý vào các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 9, Điều 10, khoản 1 Điều 84, Điều 110, khoản 2 Điều 111, khoản 2 Điều 112, khoản 1 Điều 114, khoản 2 Điều 115 Hiến pháp năm 2013, bám sát chủ trương và định hướng về phạm vi sửa đổi, bổ sung Hiến pháp đã được thông qua tại Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII¹.

- Chậm nhất là ngày 17/5/2025: các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên của Mặt trận huyện, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các

¹ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII: “Thông nhất chủ trương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước liên quan đến các quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; các quy định về chính quyền địa phương phục vụ việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; bảo đảm hoàn thành trước ngày 30/6/2025, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025; quy định thời gian chuyển tiếp để bảo đảm hoạt động thông suốt, không gián đoạn, phù hợp với lộ trình dự kiến sắp xếp, sáp nhập”.

xã, thị trấn gửi Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương mình về Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện qua Văn phòng Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện.

- Cách thức gửi báo cáo về Văn phòng Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện: Qua trực liên thông văn bản (hoặc qua đường công văn trong trường hợp không kết nối hoặc không thể gửi qua trực liên thông văn bản), đồng thời gửi file báo cáo (định dạng file word) và phụ lục kèm theo (định dạng file excel) về hòm thư điện tử theo địa chỉ hòm thư mttqtrucninh2014@gmail.com.

2. Các nguồn tổng hợp ý kiến, cách đếm và ghi ý kiến

2.1. Nguồn tổng hợp ý kiến bao gồm:

- Các ý kiến được thể hiện dưới hình thức văn bản (như thư, phiếu, báo cáo, văn bản góp ý và các dạng văn bản khác);
- Các ý kiến trên trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương các cấp.

2.2. Lưu ý khi đếm các ý kiến:

- Chỉ đếm các ý kiến từ các nguồn nêu tại mục 2.1 nêu trên.
- Không đếm các ý kiến phát biểu tại hội nghị, hội thảo, tọa đàm (biên bản hội nghị, hội thảo, tọa đàm là tài liệu tham khảo để cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương nghiên cứu và đưa ra quan điểm, ý kiến góp ý của mình).
- Không đếm ý kiến của các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương².
- Trên cơ sở các ý kiến góp ý nhận được, các cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương thống kê cụ thể: tổng số lượng ý kiến nhận được, đồng thời phân loại số lượng ý kiến của cơ quan, tổ chức và số lượng ý kiến của cá nhân (theo các mẫu 1, 2 kèm theo Công văn này).

2.3. Cách đếm ý kiến như sau:

- Thư hoặc văn bản góp ý của cá nhân, tổ chức được gửi trực tiếp đến cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương:

Văn bản góp ý của tổ chức: mỗi văn bản được tính là 01 ý kiến. Thư hoặc văn bản góp ý của cá nhân: mỗi thư, văn bản được tính là 01 ý kiến. Trường hợp thư hoặc văn bản có nhiều người cùng đứng tên và ký tên thì đếm tổng số người góp ý đó (ví dụ có 03 người đứng tên và ký tên thì được tính là 03 ý kiến).

- Phiếu lấy ý kiến (nếu tổ chức phát phiếu): Mỗi phiếu được tính là 01 ý kiến.
- Báo cáo hoặc văn bản góp ý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, MTTQ các cấp thuộc cơ quan, tổ chức, Mặt trận địa phương: Mỗi báo cáo, văn bản được tính là 01 ý kiến.

² Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia góp ý bằng một trong các hình thức: 1) góp ý trên ứng dụng VNeID; 2) góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội hoặc Cổng thông tin điện tử của Chính phủ; 3) gửi văn bản góp ý đến hệ thống MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

- Ý kiến góp ý trên trang thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức, địa phương: Mỗi cá nhân/tổ chức góp ý được tính là 01 ý kiến.

2.4. Cách ghi số lượng ý kiến

Đối với từng nội dung sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013, các cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương nêu rõ: tổng số ý kiến (trong đó, liệt kê số lượng ý kiến của cơ quan, tổ chức; số lượng ý kiến của cá nhân); số lượng ý kiến tán thành; số lượng ý kiến không tán thành và lý do (nêu ngắn gọn các lý do).

(Cách ghi số lượng ý kiến trong các báo cáo được hướng dẫn cụ thể tại Mẫu số 01 kèm theo Công văn này)

3. Về xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến

Các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên của Mặt trận, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, thị trấn xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến và Phụ lục theo *Mẫu số 01* và *Mẫu số 02* kèm theo Công văn này.

Trên đây là Công văn hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện về việc tổng hợp và xây dựng báo cáo kết quả lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013, đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên của Mặt trận huyện, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, thị trấn quan tâm thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban TT Ủy ban MTTQ VN tỉnh (để bc)
- Thường trực Huyện ủy (để bc);
- Các tổ chức CTXH, các tổ chức thành viên của MTTQ VN huyện;
- Ủy ban MTTQ VN các xã, thị trấn;
- Lưu VP.

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH**



Mai Văn Chiến

Mẫu số 01

Đề cương Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương

(kèm theo Công văn số 31/CV-MT-BTT ngày 09/5/2025
của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện Trục Ninh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VIỆC LẤY Ý KIẾN

1. Công tác chỉ đạo, quán triệt, triển khai

Nêu kết quả triển khai, cụ thể như:

- Chỉ đạo, quán triệt, hướng dẫn trong hệ thống của các cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương về thực hiện việc tổ chức lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết; chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc phổ biến, tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp...

- Ban hành kế hoạch hoặc văn bản chỉ đạo, hướng dẫn (nếu có)...

2. Về công tác tuyên truyền, phổ biến

Nêu các kết quả đạt được, cụ thể như:

- Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử, trên Fanpage của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương;

- Mở chuyên trang, chuyên mục để cập nhật, đưa tin về tình hình tổ chức lấy ý kiến;

- Tổ chức các hội nghị phổ biến, quán triệt về nội dung và cách thức lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết (nếu có);

- Các hình thức tuyên truyền, phổ biến khác.

3. Về hình thức, đối tượng lấy ý kiến

Liệt kê các hình thức, đối tượng lấy ý kiến đã được thực hiện theo yêu cầu tại phần 1 và 3 mục II, Kế hoạch số 10/KH-MT-BTT ngày 09/5/2025 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện.

Lưu ý: nêu cụ thể số lượng hội nghị, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết đã được tổ chức tại cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN

1. Tổng số ý kiến góp ý

Tổng số ý kiến góp ý mà cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương các cấp nhận được, trong đó có ý kiến của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương và ý kiến của cá nhân (nêu số lượng cụ thể).

2. Về những ý kiến chung

Nêu những ý kiến chung về dự thảo Nghị quyết (nếu có) và số lượng ý kiến.

3. Về kết quả cụ thể

3.1. Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 9¹

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương; ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành: ý kiến
- Ý kiến không tán thành: ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3.2. Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 10²

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương; ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành: ý kiến
- Ý kiến không tán thành: ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3.3. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 84³

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương; ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành: ý kiến
- Ý kiến không tán thành: ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3.4. Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 110⁴

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương; ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành: ý kiến
- Ý kiến không tán thành: ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3.5. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 111⁵

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương; ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành: ý kiến
- Ý kiến không tán thành: ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3.6. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 112⁶

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương; ý kiến của cá nhân)

¹ Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

² Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

³ Khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

⁴ Khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

⁵ Khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

⁶ Khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

- Ý kiến tán thành:..... ý kiến
- Ý kiến không tán thành:..... ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3.7. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 114⁷

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương các cấp; ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành:..... ý kiến
- Ý kiến không tán thành:..... ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3.8. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 115⁸

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương các cấp; ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành: ý kiến
- Ý kiến không tán thành: ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

4. Về kỹ thuật lập hiến

Nêu ý kiến góp ý về kỹ thuật lập hiến (nếu có); tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương các cấp; ý kiến của cá nhân).

5. Về các nội dung khác (nếu có)

Nêu ý kiến góp ý nội dung khác (nếu có); tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương các cấp; ý kiến của cá nhân)

Việc tổng hợp số lượng và nội dung góp ý thể hiện tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở tổng hợp kết quả góp ý về dự thảo Nghị quyết tại phần II nêu trên, cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương nêu cụ thể quan điểm, đề xuất của mình về việc tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013./.

⁷ Khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

⁸ Khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

Mẫu số 02

Phụ lục kèm theo Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến tại cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương
(kèm theo Công văn số: 37/CV-MT-BTT ngày 09/5/2025 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện)

STT	Nội dung	Cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương, cá nhân tham gia ý kiến				Ý kiến tán thành	Ý kiến không tán thành	
		Tổng số gồm số lượng ý kiến của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương và số lượng ý kiến cá nhân)	Số lượng ý kiến của cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương	Số lượng ý kiến cá nhân (gửi ý kiến trực tiếp bằng văn bản)	Số lượng		Số lượng	Lý do (nếu ngắn gọn)
I	GÓP Ý VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT							
1	Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 9							
2	Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 10							
3	Về nội dung sửa đổi, bổ sung 1 Điều 84							
4	Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 110							
5	Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 111							

6	Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 112						
7	Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 114						
8	Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 115						
9	Về nội dung khác (nếu có)						
10	Về kỹ thuật lập hiến						
	Tổng số ý kiến	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số
II	SỐ LƯỢNG HỘI NGHỊ, HỘI THẢO, TỌA ĐÀM LẤY Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC TỔ CHỨC	Tổng số hội nghị, hội thảo, tọa đàm đã được tổ chức (tổng hợp từ các báo cáo của các cơ quan, tổ chức, MTTQ địa phương)					

ỦY BAN DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013

BẢN SO SÁNH CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
MỘT SỐ ĐIỀU CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CỦA HIẾN PHÁP

3

Tháng 5 - 2025

STT	QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013	DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013
-----	---------------------------------	--

1.	Điều 9 1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. 2. Công đoàn Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; cùng các tổ chức thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
	Điều 9 1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; thể hiện ý chí, nguyện vọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. 2. Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; được tổ chức và hoạt động thống nhất trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cùng với các tổ chức thành viên khác của Mặt trận hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động dưới sự chủ trì của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

	3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động.	3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, <i>điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, điều lệ của mỗi tổ chức</i>. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động.
2.	Điều 10 Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động tham gia hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	Điều 10 Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động được thành lập trên cơ sở tự nguyện, <i>trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam</i>; đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho <i>đoàn viên công đoàn</i> và người lao động; <i>là đại diện của người lao động ở cấp quốc gia trong quan hệ lao động và quan hệ kinh tế về công đoàn</i>; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
2.	Điều 84 1. Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận có quyền trình dự án luật	Điều 84 1. Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam <i>và cơ quan trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận</i> có quyền trình dự án luật

	trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội. 2. Đại biểu Quốc hội có quyền trình kiến nghị về luật, pháp lệnh và dự án luật, dự án pháp lệnh trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.	trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội. 2. Đại biểu Quốc hội có quyền trình kiến nghị về luật, pháp lệnh và dự án luật, dự án pháp lệnh trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.
3.	Điều 110 1. Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân định như sau: Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tỉnh chia thành huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện, thị xã và đơn vị hành chính tương đương; Huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã và thành phố thuộc tỉnh chia thành phường và xã; quận chia thành phường. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập. 2. Việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phải lấy ý kiến Nhân dân địa phương và theo trình tự, thủ tục do luật định.	Điều 110 1. Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. 2. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập. 3. Việc xác định các loại đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phải lấy ý kiến Nhân dân địa phương do Quốc hội quy định.
4.	Điều 111 1. Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2. Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do luật định.	Điều 111 1. Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2. Cấp-Chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức ở đơn vị hành chính phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định.

5.	Điều 112 1. Chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương; quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương. 3. Trong trường hợp cần thiết, chính quyền địa phương được giao thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan nhà nước cấp trên với các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đó.	Điều 112 1. Chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương; quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của chính quyền địa phương từng cấp. 3. Trong trường hợp cần thiết, chính quyền địa phương được giao thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan nhà nước cấp trên với các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đó.
6.	Điều 114 1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. 2. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.	Điều 114 1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. 2. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.
7.	Điều 115 1. Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương; liên hệ chặt chẽ với cử	Điều 115 1. Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương; liên hệ chặt chẽ với

	tri, chịu sự giám sát của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân, trả lời những yêu cầu, kiến nghị của cử tri; xem xét, đón đóc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên Nhân dân tham gia quản lý nhà nước.
	2. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân; Chánh án Toà án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân. Người bị chất vấn phải trả lời trước Hội đồng nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị ở địa phương. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị này có trách nhiệm tiếp đại biểu, xem xét, giải quyết kiến nghị của đại biểu.